CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP MaSan High - Tech Materials

Ngày 31/12/2025	24,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.4%	**6.0%**	**31.6%**

DT thuần
Q4/25
2,395
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 354| 17.3%
YoY: ▼1,473| -38.1%

LN thuần
Q4/25
232
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 219| 1739%
YoY: ▼955| -80.5%

LN sau thuế
Q4/25
222
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 217| 4212%
YoY: ▲ 428| 208%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
14.4%
YoY: +/-▲ 11.3%

ROE
2025
0.1%
YoY: +/-▲ 12.8%

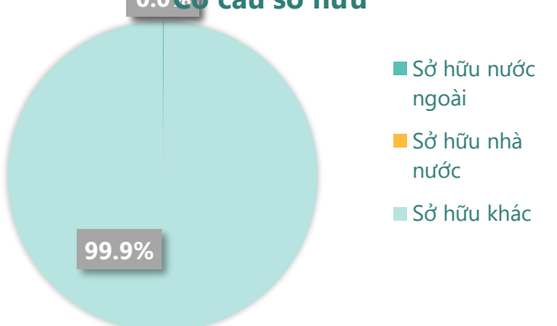
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,400 - 29,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	27,056
Số lượng CPLH (CP)	1,099,829,520
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,284,275
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	2.44
EPS	10
P/E	2395.8

DT thuần
2025
7,443
tỷ VNĐ
YoY: ▼6,893| -48.1%

LN thuần
2025
128
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 386| 150%

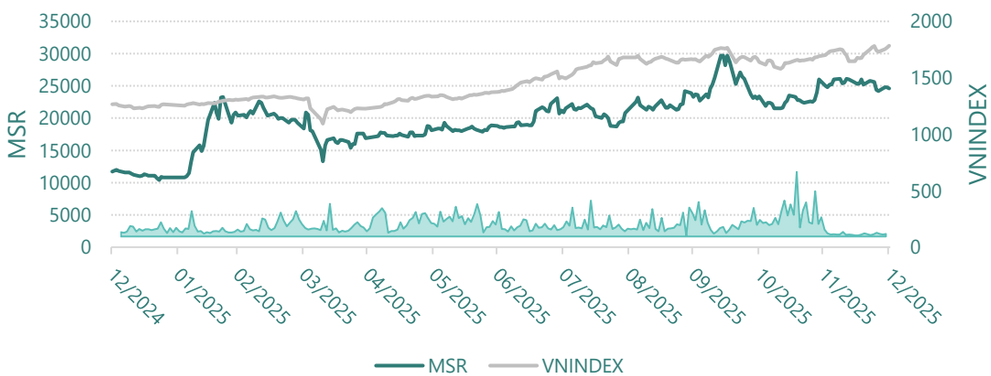
LN sau thuế
2025
11.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,598| 101%

Cơ cấu sở hữu

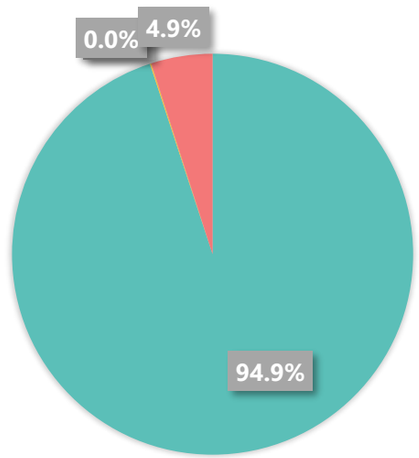


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



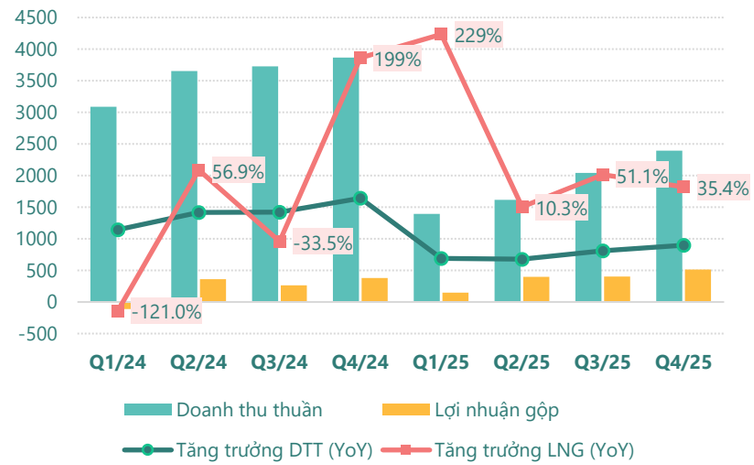
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

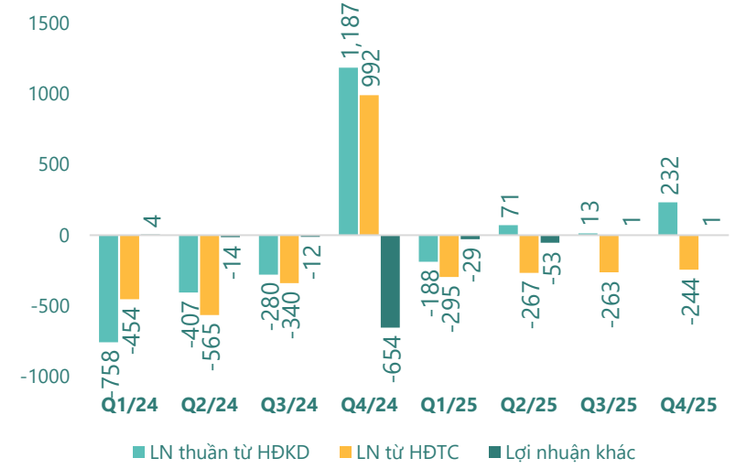
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



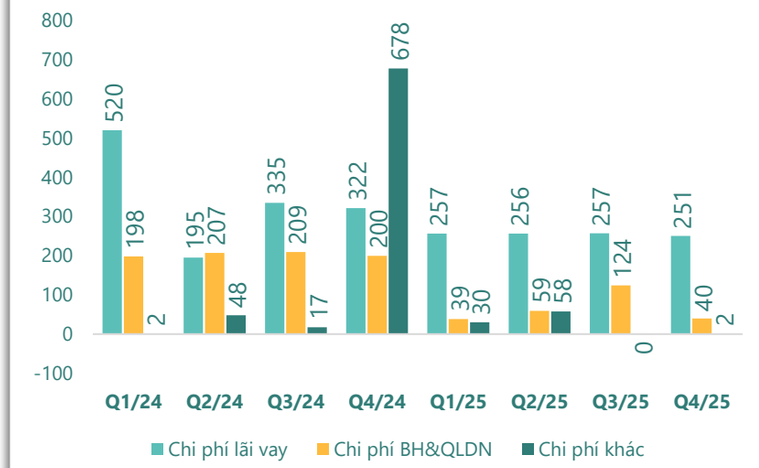
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



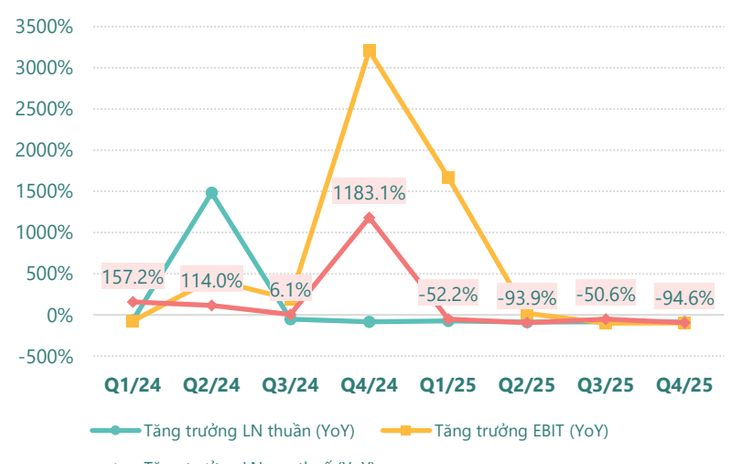
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



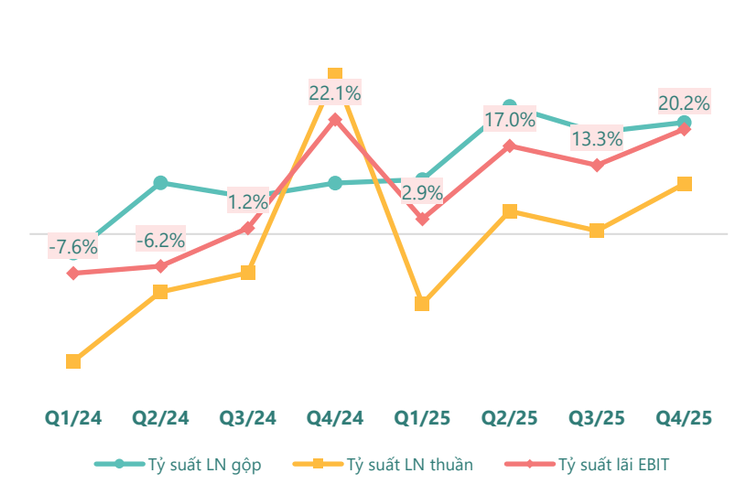
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



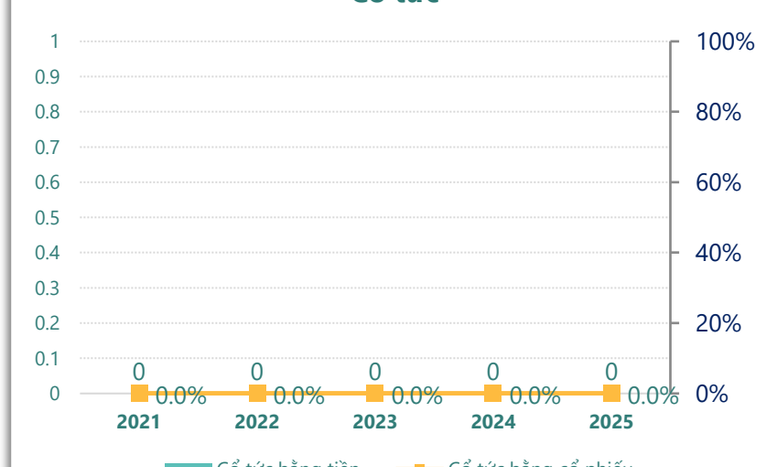
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

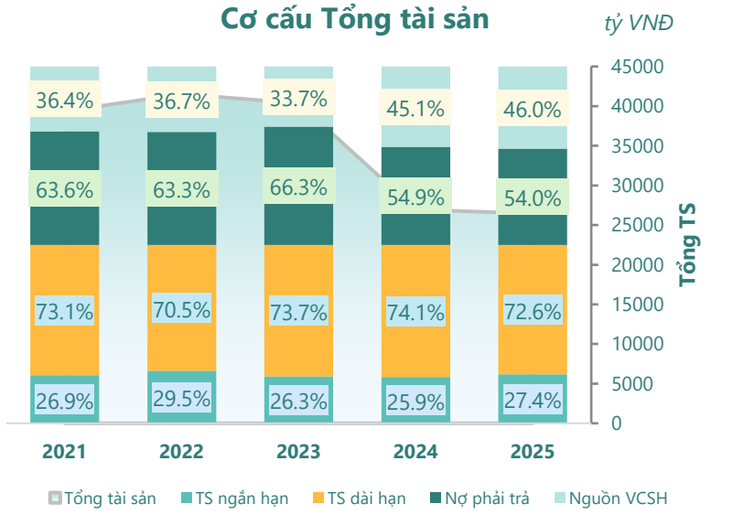
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

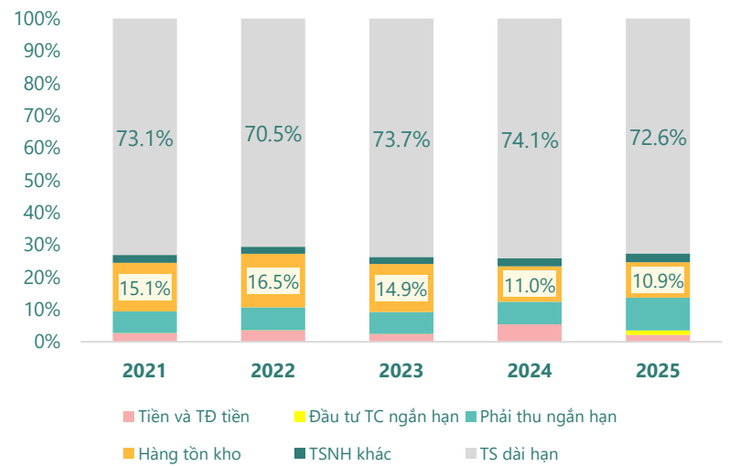
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



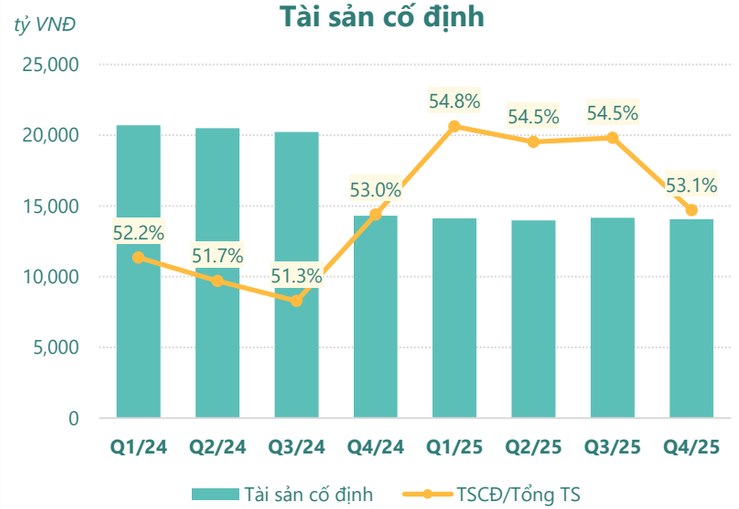
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



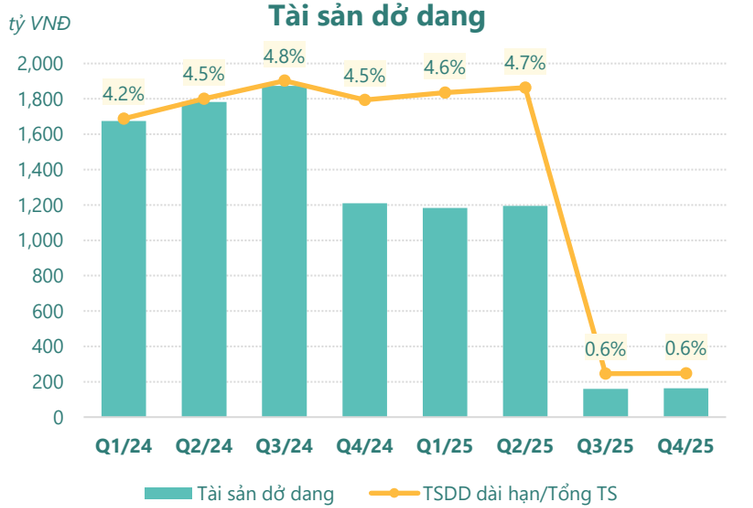
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



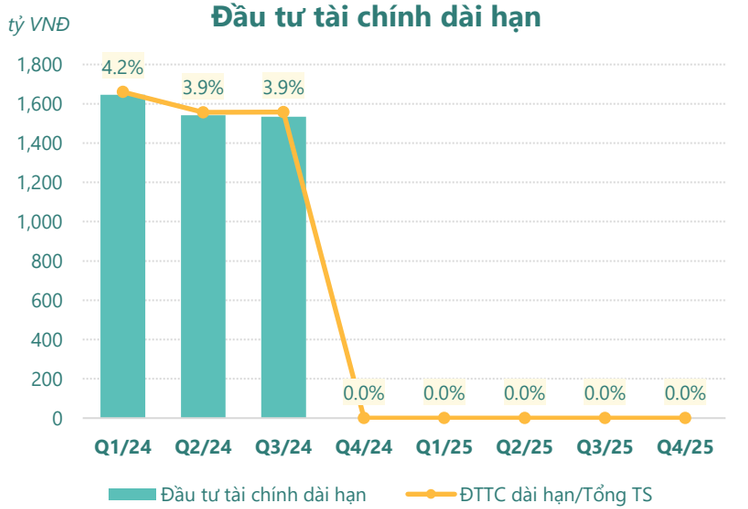
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



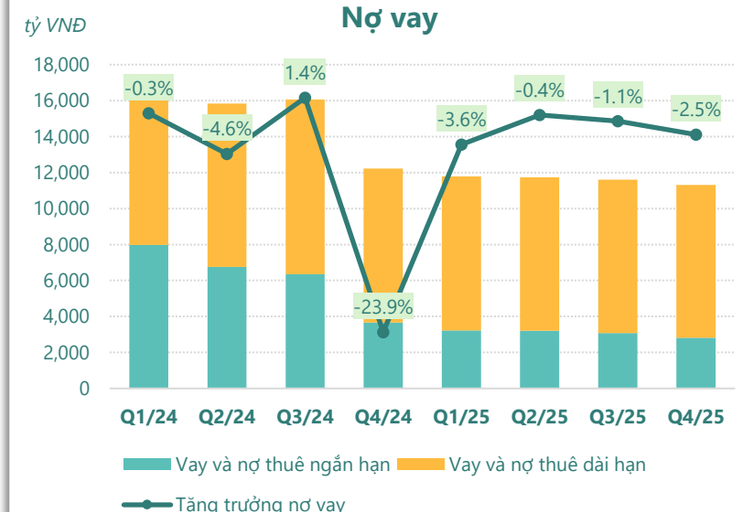
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



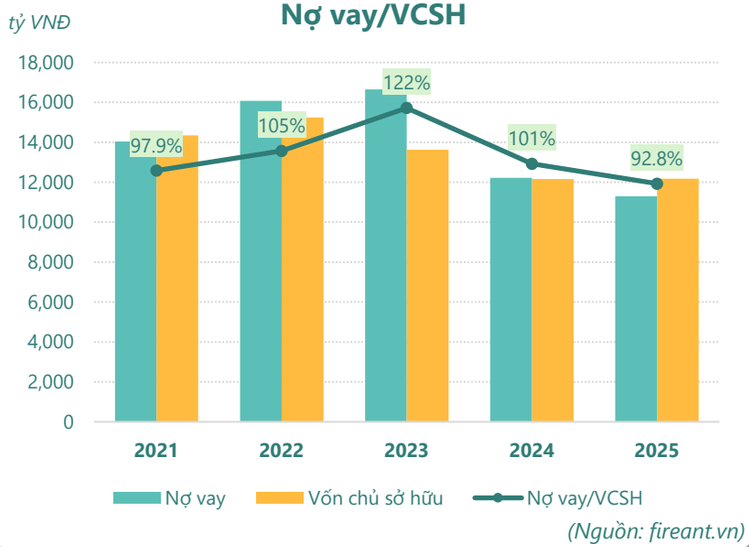
(Nguồn: fireant.vn)

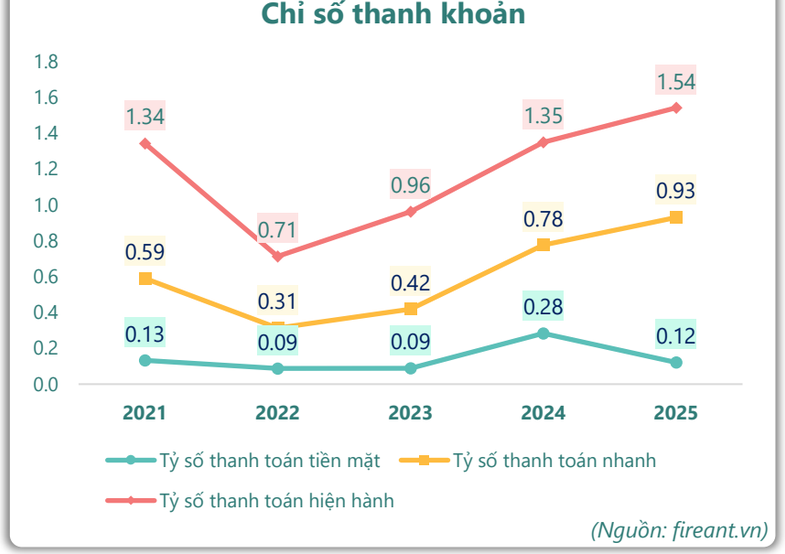
Nợ vay

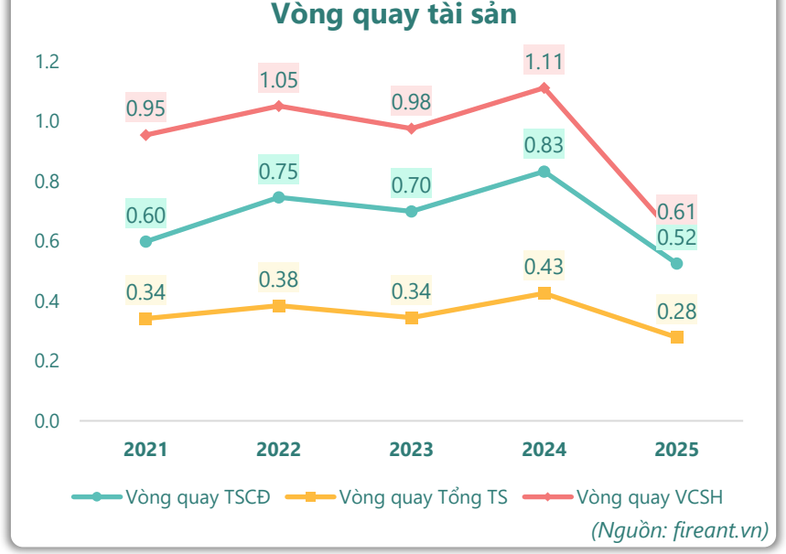


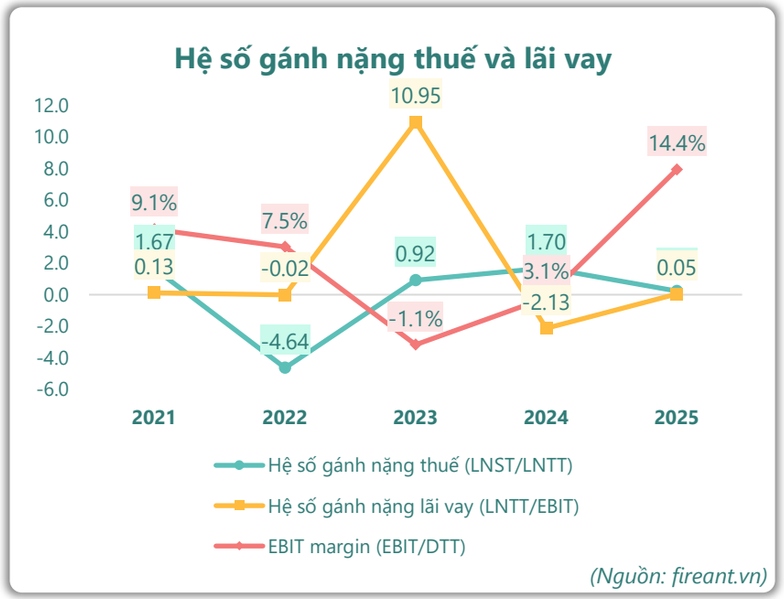
(Nguồn: fireant.vn)

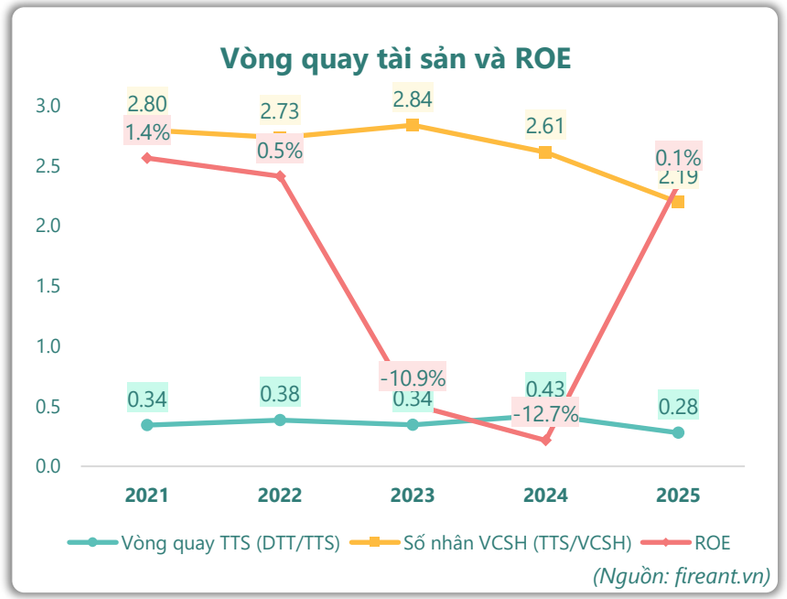
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

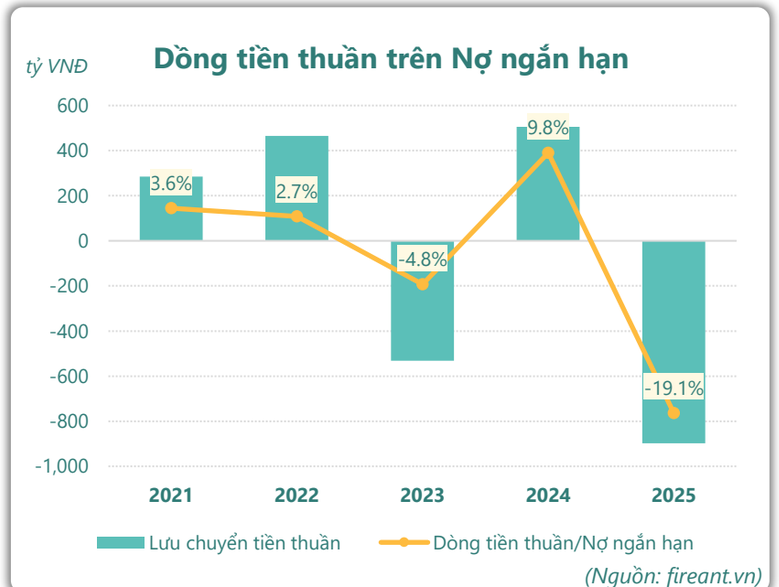












KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,395**	**3,868**	**-38.1%**	**7,443**	**14,336**	**-48.1%**
Giá vốn hàng bán	1,879	3,487	-46.1%	5,983	13,444	-55.5%
Lợi nhuận gộp	515	381	35.3%	1,460	893	63.5%
Doanh thu HĐTC	49.1	1,595	-96.9%	184	1,917	-90.4%
Chi phí TC	293	602	-51.4%	1,253	2,284	-45.1%
Chi phí lãi vay	251	322	-22.1%	1,020	1,372	-25.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**14.2**	**-100%**	**0**	**30.3**	**-100%**
Chi phí bán hàng	27.7	98.8	-72.0%	99.2	362	-72.6%
Chi phí QLDN	**12.5**	**101**	**-87.6%**	**163**	**452**	**-63.9%**
LN thuần từ HĐKD	232	1,187	-80.5%	128	-258	150%
Lợi nhuận khác	**1.49**	**-654**	**100%**	**-79.1**	**-675**	**88.3%**
LN trước thuế	233	533	-56.2%	48.9	-934	105%
Lợi nhuận sau thuế	**222**	**-206**	**208%**	**11.3**	**-1,587**	**101%**
LNST của CĐ cty mẹ	**222**	**-216**	**203%**	**11.3**	**-1,638**	**101%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-103	2,512	-133	300	281	606
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-213	1,811	-330	-493	-43.0	-95.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	275	-3,398	-451	-106	-145	-289
Tiền đầu kỳ	596	554	1,469	557	255	348
Lưu chuyển tiền thuần	**-41.2**	**924**	**-913**	**-300**	**92.9**	**223**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	-9.96	1.17	-2.26	0.15	-0.01
Tiền cuối kỳ	554	1,469	557	255	348	570

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**26,460**	**26,967**	**-1.9%**
Tài sản ngắn hạn	7,245	6,992	3.6%
Tiền và tương đương tiền	570	1,469	-61.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	365	0	
Phải thu ngắn hạn	2,693	1,873	43.8%
Hàng tồn kho	2,875	2,968	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	741	682	8.6%
Tài sản dài hạn	**19,216**	**19,974**	**-3.8%**
Phải thu dài hạn	1,141	1,199	-4.9%
Tài sản cố định	14,055	14,300	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	164	1,209	-86.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3,856**	**3,266**	**18.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	14,279	14,803	-3.5%
Nợ ngắn hạn	**4,700**	**5,185**	**-9.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,817	3,658	-23.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,194	466	156%
Nợ dài hạn	9,579	9,617	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	8,487	8,567	-0.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**12,182**	**12,164**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**12,182**	**12,164**	**0.1%**
Vốn điều lệ	10,998	10,992	0.1%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)